

LÝ THUYẾT “TRÌNH DIỄN GIỚI”: MỘT SỐ TIẾP CẬN BAN ĐẦU TRONG NGHIÊN CỨU

PHÙ KHẢI HÙNG

Lý thuyết “trình diễn giới” (gender performativity) của nhà nhân học Mỹ Judith Butler là một cách nhìn mới về vấn đề giới trong xã hội: bác bỏ tính chất tự nhiên, sẵn có, hiển nhiên của giới như quan niệm từ trước đến nay. Theo bà, giới là một sự mô phỏng theo những chuẩn mực văn hóa được kiến tạo từ diễn ngôn mang tính “văn hóa” trong những xã hội riêng biệt. Sự biểu hiện giới của một người là sự trình diễn theo những chuẩn tắc văn hóa của xã hội mà người đó là một thành viên dưới áp lực của diễn ngôn xã hội như một quyền lực vô hình nhưng hiệu quả. Trong khuôn khổ bài viết, chúng tôi phân tích những điểm cơ bản – những ý niệm đầu tiên nhất khi tiếp cận lý thuyết này.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Nghiên cứu về giới là một lĩnh vực nghiên cứu còn tương đối mới ở nước ta. Nhìn chung, những nghiên cứu giới thường tập trung phần lớn ở mảng hôn nhân - gia đình, bình đẳng giới; trong đó, vấn đề nâng cao vị thế phụ nữ, chống bạo hành gia đình là những mục tiêu nổi trội⁽¹⁾ và luôn được quan tâm. Bên cạnh đó, có một hướng nghiên cứu khác cũng rất được quan tâm là những nghiên cứu kết hợp giới - tình dục. Những nghiên cứu này thường tập trung vào các nhóm dễ tổn thương hoặc tình dục thiểu số, như nhóm mại dâm, tình dục trẻ em, đồng tính luyến ái, v.v... Việc tiếp cận cũng chưa có những “đột phá” mới, chủ yếu tiếp cận giới với góc nhìn cấu trúc – chức năng, lý thuyết xung đột, trao đổi xã hội, v.v... (S. Scott và Trương Thị Kim Chuyên, 2007; Bùi Thị Hương Trâm,

2013, tr. 9).

Như vậy, giới là một lĩnh vực nghiên cứu không xa lạ nhưng chưa thật sự phong phú ở Việt Nam và hệ quả là có những tác động ngược không mong muốn lên nhận thức xã hội đối với các nhóm tình dục thiểu số nhất. Bên cạnh đó, việc nghiên cứu giới theo xu hướng tăng cao quyền con người, quyền bình đẳng giới (không chỉ nữ quyền) còn chưa đủ mạnh để có thể điều chỉnh được nhận thức xã hội. Vì vậy, những diễn ngôn hay hành vi kỳ thị vẫn còn tồn tại.

Với mong muốn tìm một lối tiếp cận khác hơn cho nghiên cứu của mình về nhóm nam giới có xu hướng tình dục đồng tính, khi mà những nghiên cứu về nhóm này thường gắn với HIV/AIDS, với STI (Sexually Transmitted Infections: các bệnh lây truyền qua đường tình dục), với kỳ thị giới tính như xu hướng từ trước cho đến nay, chúng tôi sử dụng lý thuyết “Biểu hiện ‘trình diễn giới’” (Gender Performativity) để tiếp cận vấn đề. Có thể nói, đây là

Phù Khải Hùng. Trung tâm Nghiên cứu Dân tộc học. Viện Khoa học Xã hội vùng Nam Bộ.

hướng tiếp cận tương đối mới trong việc nghiên cứu giới nói chung và nhóm nam đồng tính nói riêng, bởi nó giúp chúng ta nhìn vấn đề giới (gender) trong mối liên hệ với tính dục (sex), quyền lực (power) và văn hóa (culture) thông qua diễn ngôn xã hội (discourse).

2. NỘI DUNG

2.1. “Trình diễn giới” – một góc nhìn về giới
 Ở các nước phương Tây, trong thập niên 1990, việc nhấn mạnh đến hành động và sự thể hiện của cá nhân được nhận thức là sự khẳng định giới của cá nhân (gendered self). Cùng với sự xuất hiện của phương pháp phân chiết bản thể (deconstruction of the ontology) trong ngành ngôn ngữ học, con người bắt đầu được nhìn nhận lại, từ chỗ con người được xem là chủ thể ở trạng thái ổn định, cố kết sang xem con người như một trạng thái rời rạc. Những vấn đề về giới và cá nhân được xem xét trong những hành động và những bối cảnh cụ thể chứ không phải dựa trên tính sinh học vốn có. Điều này đã góp phần nhận thức sâu sắc hơn về tính chất tạm thời (impermanence), không ổn định (fluidity) của khái niệm giới mà lâu nay chúng ta vẫn biết. (Ngô Thị Ngân Bình, 2006, tr. 10-11). Các nhà nghiên cứu như Errington, Moore, Butler đã đưa nhận định rằng chính sự cố kết văn hóa (cultural implication) dựa trên đặc tính sinh học đã tạo nên những quan niệm về giới trong xã hội. Nói một cách khác, giới được kiến tạo từ văn hóa dựa trên những khác biệt sinh học và xem đó là điều mang tính chất tự nhiên. Tuy nhiên, các nhà lý luận về bình đẳng giới lại có một nhận định hoàn toàn ngược lại rằng giới không

phải là một dạng tự nhiên mà được cấu trúc bởi xã hội. Sự thể hiện về giới của cá nhân là một sự trình diễn trước xã hội. Và J. Butler là người đầu tiên đưa ra thuật ngữ “trình diễn giới”.

Thuật ngữ “trình diễn giới” được nhắc đến trong tác phẩm *Gender Trouble* (tạm dịch là *Những vấn đề về giới*) của nhà nhân học Mỹ Judith Butler, ấn hành vào năm 1990. Trong tác phẩm này, bà nhấn mạnh rằng theo cách hiểu thông thường, giới là kết quả của hành vi lặp đi lặp lại và mang tính bất biến, ổn định. Nhưng khi xem xét điều này đối với một số cá nhân riêng lẻ thì thấy có nhiều sự khác biệt. Theo Butler, khái niệm giới thông thường (normal gender) là kết quả hàm chứa “một thỏa thuận ngầm để thể hiện... và duy trì những ý niệm giới rời rạc, tách biệt khi mà nó bị bao phủ bởi những yếu tố ‘văn hóa hư cấu’ (cultural fictions) khiến cho chúng ta khó mà nhận diện được giới thực sự (true gender) – và theo đó là những sự trừng phạt đối với những ai không tin tưởng và thực hiện theo những chuẩn tắc đó”⁽²⁾. Và theo như nhận định của bà, hành vi “trình diễn giới” này tuy vô hình nhưng lại phổ biến trong toàn xã hội. Tóm lại, giới là “một sự lặp đi lặp lại của những hành vi theo khuôn mẫu đã có... và hàm chứa trong đó sức mạnh của diễn ngôn” (Butler, 1999, tr. 10, 30), gây khó khăn cho việc nhận định giới thật sự. Các cá nhân cảm thấy khó xác định chính bản thân mình là ai bởi tất cả mọi người trong xã hội đều hành xử theo những kiểu mà người khác mong đợi (J. Butler, 1993, 1997 dẫn theo H. Rystrom). Đây chính là nội dung trung tâm của

thuyết "Trình diễn giới" mà Butler đưa ra.

2.2. Một số ý niệm ban đầu về lý thuyết "Trình diễn giới"

Trong bước đầu tiếp cận với một quan điểm mới về cách nhìn nhận giới thực sự, chúng tôi chỉ mong muốn trình bày sơ khởi một vài ý niệm mà Butler thể hiện trong tác phẩm của bà.

- Quan niệm giới là một phạm trù được cấu trúc bởi xã hội (phi tự nhiên).

Trong suy nghĩ thông thường, chúng ta thường có những quan niệm đại loại như con trai thì mạnh mẽ, con gái thì nhu mì, nhẹ nhàng; các bé trai thì ngỗ nghịch khó dạy dỗ, còn các bé gái thì ngoan ngoãn; hay công việc may vá, thêu thùa là của phụ nữ, đàn ông thì khiêng vác, sửa sang,... Đây là những quan niệm luôn được thừa nhận là đúng đắn, là khuôn mẫu về giới. Vậy thì với những người nam là đầu bếp trứ danh, hay những thợ may nổi tiếng khéo léo, những người nữ là quân nhân anh dũng thì những quan niệm trên sẽ rất khó giải thích. Nếu dựa theo khuôn mẫu văn hóa giới thì rõ ràng đây là những đối tượng đã bị sai chuẩn (nhưng sự thật thì họ không bị xã hội lên án). Do đó, có thể thấy rằng "nam giới và nữ giới ở mọi lứa tuổi đều được cho là đóng những vai trò dành cho đàn ông và cho phụ nữ mang tính văn hóa được quy định tương ứng. Nhưng ở đây có sự nguy hiểm. Tin rằng một người phải sống đúng với vai trò giới đã được quy định từ trước chỉ là một trong những nguyên tắc vô lý mà hầu hết mọi người đều tuân theo... vì xã hội xác định hành vi, sự nhận thức và tình cảm nào là của 'nam giới' và của 'nữ giới' không có nghĩa là

những vai trò đó nhất thiết được tất cả mọi người mong muốn"⁽³⁾.

Như vậy, đúng như Butler đã nhận định, giới như một sự khuôn định ở hành vi có tính lặp đi lặp lại giống một thói quen. Do đó, hành vi giới thực chất là một sự trình diễn trước những khán giả - là những người đang hiện hữu trong xã hội, trong đó bao gồm cả chính bản thân của người trình diễn - diễn viên. Và sự trình diễn này dựa trên niềm tin về sự ổn định cũng như khác biệt giữa hai phái nam và nữ. Trên thực tế, niềm tin này được hình thành dựa trên những chuẩn mực và cấm kỵ xã hội, khiến cho những biểu hiện về giới (dựa trên tính sinh học nam và nữ) trở thành một hành vi tự nhiên, và cá nhân không có quyền chống lại hay làm khác đi. Nói một cách khác, bà gọi đây là một sự cưỡng bức rất khó phát hiện và tồn tại hiển hiện (Butler, 1990, tr. 22-30). Cho nên, bà cũng nói rằng: "Khi nói giới là một sự trình diễn, rõ ràng điều đó chống lại quan điểm giới là một phạm vi thực tế và tự nhiên (được quy định sẵn)"⁽⁴⁾.

Tóm lại, quan điểm cho rằng giới được kiến tạo dựa trên cấu trúc xã hội chứ không thực sự là "tự nhiên" như mọi người vẫn suy nghĩ là một cách nhìn mới về vấn đề giới. Cách nhìn này phá vỡ những quan niệm vốn cố hữu từ trước đến nay, giúp chúng ta nhìn lại những khái niệm như vai trò giới, nhận dạng giới, khuôn mẫu giới, v.v...

- Nhận định về "nam tính", "nữ tính" và kỳ thị giới (mối liên hệ giữa quyền lực và giới).

Sự cấu trúc của xã hội về giới dựa trên sự khác biệt giới tính là một rào cản cho

biểu hiện giới thực sự của mỗi cá nhân (và cũng là cản trở sự tiến bộ trong nhìn nhận về giới). Theo Butler, giới được kiến tạo dựa trên nền tảng văn hóa – những *chuẩn mực, quy tắc*⁽⁵⁾ áp đặt cho cá nhân theo giới tính sinh học chính là một kịch bản mà mỗi diễn viên – chúng ta phải trình diễn đúng – biểu hiện ra bên ngoài đúng trong việc người đó là nam hay nữ.

Trong tác phẩm *Critically Queer* (tạm dịch: *Phê phán hiện tượng đồng tính luyến ái*) Butler có nêu lên một vấn đề: ngay từ thời kỳ còn ấu thơ, một đứa bé đã được cha mẹ giáo dục rằng tình yêu giữa những người cùng giới tính là một dạng tình yêu bị ngăn cấm (cả về mặt luật pháp lẫn văn hóa). Bà giải thích rằng: sự nam tính trong quan điểm giới (masculine gender) hình thành từ sự từ chối đối với sự rung cảm/tình yêu của/với một người nam khác; tương tự, người nữ cũng không có một sự rung động về tình cảm với một người nữ khác. Và điều này trở thành một trong các chuẩn tắc của xã hội khi thẩm định về giới (thực ra là giới tính) của một người nào đó.

Trong quan điểm của Butler, hành vi lặp đi lặp lại theo những khuôn mẫu mà xã hội đã quy định, là một sự mô phỏng theo những quy ước mang tính ưu thế về giới. Bởi một hành vi trình diễn của một người là cái đã tồn tại sẵn trong nhận thức và giới là quá trình nhân cách hóa; việc khẳng định giới của một người phụ thuộc vào môi trường xã hội mà người đó là một thành viên⁽⁶⁾. Như vậy, giới tính sinh học (biological sex) cũng không là tự nhiên như mọi người vẫn nghĩ mà là một dạng giới tính được xã hội kiến tạo

(a social construction-gender subsumes sex). Giới mang ý nghĩa xã hội, bao hàm cả tính chất văn hóa và đặc thù xã hội. Đây chính là nguồn gốc của những kỳ thị xã hội về giới.

Như đã trình bày ở trên, có quan niệm về giới của xã hội và quan niệm về tính nhị phân (binary) của giới dựa trên sự phân định về cấu tạo sinh học (nam có nhiễm sắc thể XY và nữ là XX) với sự khác biệt về những đặc tính thể hiện trên cơ thể. “Sự khác biệt do các quá trình sinh học này tương tác với những ảnh hưởng trong nhận thức xã hội sau khi sinh hình thành nên nhận dạng giới của một người” (D. Zgourides, 2006, tr. 36-37). Tuy nhiên đó chỉ là những chỉ định về giới tính (sexual assignment), chỉ có giá trị về mặt giải phẫu sinh lý chứ chưa phản ánh được những khía cạnh văn hóa, xã hội. Bởi có một số hành vi là chuẩn mực giới trong xã hội này nhưng đối với xã hội khác thì nó không có ý nghĩa gì. Ví dụ, trong quan niệm truyền thống văn hóa ở xã hội phương Đông thì việc một người phụ nữ chủ động trong tình yêu (tỏ tình, làm quen) thường bị đánh giá thấp, nhưng ở các xã hội phương Tây thì điều này là bình thường vì quan niệm tự do, bình đẳng trong tình yêu, v.v... Những cấm chỉ, cổ súy hay bài xích là do quan niệm xã hội áp đặt lên mỗi cá nhân một cách vô hình và được tuân thủ chặt chẽ, trở thành những quy tắc điều khiển, định hình nên khuôn mẫu, hành vi giới. Theo đó, nếu một người có những hành vi đi chệch khỏi những “chuẩn mực xã hội” sẽ bị cộng đồng chê trách. Một hệ thống ngầm những “tiêu chuẩn” riêng cho mỗi giới

chính là định hướng để cho mỗi cá nhân lựa chọn những hành vi được cho là phù hợp trong mối tương tác giữa cá nhân và cộng đồng. Về quan điểm này, Erving Goffman từng nhận định rằng những hành vi/hành động của một người đều phụ thuộc vào thời gian, không gian và “khán giả” của người đó. Nói cách khác, cái tôi trong nhận thức của một người nào đó là kết quả của sự trình diễn mà bản thân người đó muốn thể hiện đối với xã hội. Và Goffman cũng chỉ ra “đạo cụ” cho cuộc trình diễn chính là văn hóa với những giá trị, chuẩn tắc và sự trông đợi, giúp cá nhân hoàn thành sự trình diễn của mình⁽⁷⁾.

Sự “trình diễn giới” thất bại, được hiểu là một người không đảm bảo được những trông đợi của xã hội, vi phạm những giá trị, chuẩn tắc văn hóa mà xã hội đặt ra. Trong thực tế, xã hội không chỉ tồn tại hai giới như biểu hiện sinh học quy định, mà bản sắc giới là đa dạng, phong phú. Việc khẳng định “tôi là ai” là nhu cầu ở mỗi cá nhân. Tuy nhiên, không phải trong bất cứ nền văn hóa nào, xã hội nào, cái “tôi” – bản sắc giới cũng được chấp nhận. Butler (2006, tr. 17) nhận định: “Những hành vi trình diễn được định hình trong diễn ngôn quyền lực... do đó, hành vi biểu hiện giới cũng trong sự kiểm soát của thể chế”. Diễn ngôn chính là tiếng nói của vị quan tòa vô hình - xã hội, sử dụng quyền lực trói buộc (binding power) tác động đến những sai chuẩn của cá nhân, hình thành nên sự kỳ thị về giới⁽⁸⁾. Trong điểm này, bà nhấn mạnh đến việc các diễn ngôn dựa trên văn hóa hỗ trợ hiệu quả cho cấu trúc nhị phân về quan niệm nam tính và nữ tính, làm cho việc

bộc lộ giới của một người trở nên lệch chuẩn so với giới được “quy định”. Việc quy định này được cụ thể hóa bằng các văn bản pháp luật về thực hành giới và được tất cả mọi người “đồng thuận” bởi nó dựa trên sự thể hiện giới tính tự nhiên. Tuy nhiên, theo lý giải của bà thì những quy chuẩn luật hóa về giới làm cho một cá nhân cảm thấy khó khăn khi giới thực sự của họ có sự khác biệt. Bởi theo các quy định này, “khoái cảm tình dục” chỉ có thể đến giữa hai người khác giới tính. Kết quả là, những người không có xu hướng tình dục khác giới được xem là sai phạm, là bất bình thường, dẫn tới việc cá nhân họ chẳng những không thể biểu hiện/trình diễn cái tôi thực sự mà còn phải che giấu nó đi để tránh sự chê bai (kỳ thị) của xã hội lẫn sự trừng phạt của pháp luật. Vì vậy, trong quan điểm của Butler, sự thẩm định giới của một người theo những khái niệm đơn giản từ trước đến nay cũng như những quan điểm về sự lệch chuẩn ở “người phụ nữ nam tính”, “người đàn ông nữ tính” và “tình dục đồng giới” là những quan niệm lỗi thời, không còn phù hợp với sự phát triển của xã hội (Ngô Thị Ngân Bình, 2006, tr. 11).

3. KẾT LUẬN

Nhìn chung, thuyết “Trình diễn giới” dựa trên quan điểm giới là một phạm trù mang tính kiến tạo xã hội chứ không phải mang tính chất tự nhiên sinh học như quan niệm từ trước đến nay mọi người vẫn nghĩ. Ngay cả giới tính sinh học của một người, đó cũng là những ý niệm kiến tạo xã hội bởi trước khi cá nhân nhận thức được những khác biệt về sinh học thì những nhận thức về sự khác biệt đó

cũng đã được kiến tạo thông qua văn hóa, cụ thể bằng việc dạy dỗ. Những nhận thức giới đó, tồn tại qua nhiều thế hệ, cố định về mặt tư tưởng, được luật hóa và thể chế hóa, để từ đó hình thành một hệ thống các chuẩn tắc văn hóa, trở thành một sức mạnh vô hình nhưng có khả năng trói buộc cá nhân phải triệt để tuân thủ. Điều này gây một sự bối rối cho những người có những suy nghĩ, hành động chệch khỏi hệ thống chuẩn tắc ấy. Nói một cách khác, giới của một người là sự trình diễn của người đó trước xã hội trong cuộc sống thực tại. Sự thành công trong việc trình diễn là biểu hiện đúng những chuẩn mực văn hóa mà xã hội mong đợi. Ngược lại, cá nhân ấy sẽ bị

đánh giá là người lệch lạc, bất thường, là tiêu cực, bệnh hoạn. Chính sự đánh giá xã hội này là một loại diễn ngôn thể hiện tư tưởng nhị phân/lưỡng cực về giới, từ đó qui định tinh thần độc tôn về vai trò của tính dục dị tính (heterosexuality) và cũng là nguồn gốc của những định kiến giới, kỳ thị giới trong xã hội. Tình trạng này khiến cho những cá nhân nhận thức được sự “khác biệt” của bản thân so với những chuẩn mực văn hóa thông thường sẽ gặp sự khó khăn khi mong muốn được biểu hiện/trình diễn đúng với bản chất của mình. Đây chính là rào cản cho sự tiến bộ xã hội khi xem xét về tính đa dạng của cuộc sống xã hội nói chung và giới của nhân loại nói riêng. □

CHÚ THÍCH

⁽¹⁾ Trong bài viết *Nghiên cứu gia đình Việt Nam: Khái niệm, cách tiếp cận và phương pháp nghiên cứu*, dựa trên sự thống kê số lượng các bài viết gửi cho tạp chí Nghiên cứu Gia đình và Giới từ 2006 đến 2012, tác giả Bùi Thị Hương Trâm đã tiến hành tổng hợp phân loại các bài viết của các nhà nghiên cứu gửi về thành 6 chuyên mục khác nhau, trong đó, tiếp cận giới trên góc độ hôn nhân-gia đình được xem là chiếm số lượng nhiều hơn cả (Tạp chí Nghiên cứu Gia đình-Giới, 4/2013).

⁽²⁾ www.cla.purdue.edu/english/theory/genderandsex/modules/butlerperformativity.html, truy cập ngày 6/2012.

⁽³⁾ <http://idoc.vn/tai-lieu/cac-khuon-mau-vai-tro-va-nhan-dang-ve-gioi.html>, tháng 2/2013.

⁽⁴⁾ <http://artsites.ucsc.edu/.../Judith%20Butler%20handout.do>, ngày 22/2/2013.

⁽⁵⁾ Trong bài viết, bà dùng cụm từ “drag performance”, theo cách hiểu của chúng tôi là sự khó khăn trong việc lộ giới của một người nào đó. Bởi theo quan niệm lưỡng cực/nhị phân về giới (gender binaries) thì xã hội chỉ có hai giới là nam hoặc nữ. Theo đó, người nam phải bộc lộ được sự nam tính của mình, ngược lại, phụ nữ cũng phải thể hiện được sự nữ tính của mình. Trong trường hợp một cá nhân nào đó đi chệch khỏi những tiêu chuẩn mà xã hội quy đặt cho “nam” và “nữ” thì người đó sẽ bị phê phán, chê bai. Về mặt nhà nước – luật pháp, cuộc hôn nhân giữa hai người có biểu hiện bên ngoài cùng giới tính là bất hợp pháp. Và sự không thừa nhận này còn diễn ra ở gia đình, xã hội bởi đối với phần lớn xã hội, đó là sự không “tự nhiên”. Ở đây, chúng ta có thể coi “drag” là một chuỗi những nguyên tắc, những chuẩn mực mà xã hội quy định cho mỗi thành viên. Ví dụ: anh là nam thì phải ăn mặc ra sao, nói năng thế nào, biểu hiện ra sao để bộc lộ được cái nam tính. Ngược lại, nếu cô là phụ nữ thì cô phải đi đứng nhẹ nhàng, ăn nói nhu mì... để bộc lộ được cái nữ tính mà xã hội “kỳ vọng”. Chúng ta có thể hình dung, drag như hai cái móc, một dành cho nam giới và cái còn lại dành cho nữ giới, chúng được đính lên tường (là cuộc sống xã hội) để mọi người có

thể dễ dàng nhìn thấy. Trên đó, mỗi cái móc là những chuẩn mực văn hóa dành riêng cho mỗi giới tính được “treo” lên đấy. Mọi người “nhìn” vào đấy để treo lên cho đúng theo những “chuẩn” đã được quy định và hiển nhiên khó chấp nhận việc đặt sai vị trí hay lẫn lộn qua lại.

⁽⁶⁾ “The act that one does, the act that one performs is, in a sense, an act that's been going before one arrived on the scene. Gender is an impersonation... becoming gendered involves impersonating an ideal that nobody actually inhabits” (J. Butler, in “Gender Trouble”) [dẫn theo “Judith Butler and Performativity for Beginners (mostly in her own words). <http://www.cla.purdue.edu/english/theory/genderandsex/modules/butlerperformativity.html>, ngày 26/6/2012.

⁽⁷⁾ <https://www.boundless.com/sociology/understanding-social-interaction/understanding-social-interaction/dramaturgy/> ngày 21/8/2011.

⁽⁸⁾ Sự kỳ thị giới mà chúng tôi muốn đề cập ở đây không chỉ ở sự kỳ thị đối với đồng tính luyến ái mà còn được hiểu là sự chê trách đối với hành vi sai chuẩn giới của những cá nhân thuộc giới tính nam và nữ. Dẫn chứng một quan niệm trong xã hội Việt Nam là “trai lớn lấy vợ, gái lớn gả chồng”. Khi một người đến tuổi mà xã hội cho là phải “thành gia lập thất” nhưng vẫn chưa kết hôn thì thường bị quy kết là giới tính có vấn đề, là không bình thường. Do đó, đến độ tuổi khoảng 30, với quan niệm “tam thập nhi lập”, để tránh bị “xì xầm, nói này nói nọ”, một số nam giới đồng tính ở TPHCM thường chọn cách lập gia đình để “hoàn thành xong nghĩa vụ, ba má cũng vui, bà con cũng ít hỏi ra hỏi vô, bạn bè đồng nghiệp cũng không thắc mắc này nọ” (Phòng vấn một nam đồng tính ở TPHCM, tháng 6/2012).

TÀI LIỆU TRÍCH DẪN

1. Butler, Judith. 1993 (tái bản từ bản 1990). *Bodies That Matter*. New York và London: Routledge.
2. Butler, Judith. 1988. *Performative Acts and Gender Constitution: An Essay in Phenomenology and Feminist theory*. Theatre Journal vol.40, No.4.(10/1988).
3. Butler, Judith. 1999 (tái bản từ bản 1990). *Gender Trouble*. New York và London: Routledge.
4. George, D. Zgourides; S. Zgourides, Christie. 2006. *Thực tế về hoạt động tình dục ở con người*. CA : San Jose. Nguyễn Hồng Trang (dịch).
5. Ngô Thị Ngân Bình. 2006. *A-exam paper*, Spring 2006.
6. Nguyễn Xuân Nghĩa. 2012. *Một số chủ đề cơ bản trong tương tác xã hội học của Erving Goffman: tương tác, căn tính và trật tự xã hội*. TPHCM: Tạp chí Khoa học Xã hội, số 1(161)-2012).
7. Scott, Steffanie; Trương Thị Kim Chuyên. 2007. *Gender Research in Vietnam: Traditional Approaches and Emerging Trajectories*, trong Women's Studies International Forum, số 30.